

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 18-4-2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hải Đăng;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.*

Ngày 18/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ.

Địa chỉ: Số 22, Ng, phường Tr, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Đình L1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền là Mai Xuân Th - Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và Tái cấu trúc Tài sản.

Người được ủy quyền lại: Bà Trịnh Quyền A, sinh năm 1999, chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng - Phòng Quản lý không tài sản bảo đảm - khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P.

Địa chỉ: Số 131, Tr, phường A, quận N, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ph - sinh năm 1972 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và người được ủy quyền lại là bà Trịnh Quyền A trình bày: Vào ngày 23/9/2016, ông L có đến Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất: áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng và được xác định bằng lãi suất cho vay = $LS_{12} + 6\%/năm$. Trong đó, LS_{12} là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với từng loại tiền vay, kỳ 12 tháng theo Biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ, kỳ trả lãi ngày 23 hàng tháng, kỳ trả gốc ngày 23 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L, bà Ph cũng có trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 86.840.000 đồng và lãi là 50.986.614 đồng đến ngày 27/01/2022 ngưng đến nay.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, bà Ph phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 18/4/2022 là 196.297.835 đồng (trong đó vốn gốc là 113.160.000đ, tiền lãi quá hạn là 23.727.351đ, lãi trên gốc quá hạn 46.955.336đ, lãi chậm trả là 12.455.148đ) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết khoản nợ vay. Ngân hàng yêu cầu ông L, bà Ph trả 01 lần dứt nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông L, bà Ph không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông L, bà Ph để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông L tại P.

Tại bản tự khai đề ngày 01/3/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Vợ chồng tôi thừa nhận vào ngày 23/9/2016, vợ chồng tôi là có đến Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kiên Giang vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất: áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày ký hợp đồng và được xác định bằng: lãi suất cho vay = $LS_{12} + 6\%/năm$. Trong đó, LS_{12} là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với từng loại tiền vay, kỳ 12 tháng theo Biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ, kỳ trả lãi ngày 23 hàng tháng, kỳ trả gốc ngày 23 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chúng tôi cũng có đóng lãi và trả vốn nhưng do hoàn cảnh cũng khó khăn nên không trả nợ đúng hạn.

Nay, Ngân hàng khởi kiện thì vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 30/3/2022 là 192.511.572 đồng (Trong đó vốn gốc là 113.160.000 đồng cùng với tiền lãi quá hạn là 23.727.351 đồng, lãi trên gốc quá hạn 43.808.222 đồng, lãi chậm trả là 11.815.999 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả hết khoản nợ vay. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn phải trả nhiều khoản nợ khác nên xin trả dần từ nay đến cuối năm 2022 sẽ trả dần 1 tháng là 3.000.000 đồng, từ tháng 01/2023 trở về sau thì mỗi tháng sẽ trả dần số tiền 4.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, ông bà đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, hai bên đương sự thừa nhận là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, phía ông L và bà Ph thanh toán được vốn gốc là 86.840.000 đồng và lãi là 50.986.614 đồng đến ngày 27/01/2022 thì ngưng đến nay đã quá hạn mà chưa trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc ông L và bà Ph phải trả cho Ngân hàng số nợ trên là có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 18/4/2022 thì ông L và bà Ph còn nợ tiền lãi là 83.137.835 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông L và bà Ph phải trả cho Ngân

hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 18/4/2022 là 196.297.835 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông L và bà Ph không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng vay cho đến nay, vì vậy bên vay là ông L và bà Phương đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông L và bà Phương phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[4] Do hợp đồng tín dụng số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016 là hợp đồng tín chấp nhưng ông L, bà Ph không thanh toán được nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông L, bà Ph để thanh toán hết toàn bộ nợ của ông L tại Pvccombank. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu xử lý tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông L, bà Ph để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông L và bà Ph tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016Al của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, buộc ông L và bà Ph phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 18/4/2022 là 196.297.835 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng).

[5] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP Đ đã nộp là 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006630 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph phải nộp án phí là: $196.297.835đ \times 5\% = 9.814.891,75$ đồng làm tròn là 9.815.000đ (chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền là 196.297.835 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng) (trong đó vốn gốc là 113.160.000đ, tiền lãi quá hạn là 23.727.351đ, lãi trên gốc quá hạn 46.955.336đ, lãi chậm trả là 12.455.148đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Do hợp đồng tín dụng số 3009/2016/HĐTD/PVB-CNKG ngày 23/9/2016 là hợp đồng tín chấp nhưng ông L, bà Ph không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của ông L, bà Ph để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông L, bà Ph tại PvcomBank.

2. Án phí DSST là: 9.815.000đ (chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng), buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph phải nộp.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền là 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006630 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 18/4/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh